

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HS-ST
Ngày 11 - 4 - 2018

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;
2. Ông Nguyễn Tiến Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Bích L;** Tên gọi khác: Bé Lớn, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986; tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, Phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tấn Đ (Đã chết) và bà Võ Thị B; có chồng Nguyễn Ngọc H (Đã ly hôn) và có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không.

*** Nhân thân:** Ngày 10/8/2009, bị Công an thành phố B, xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản.

Tại Bản án số: 164/2010/HSPT ngày 16/6/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt bị cáo 06 (Sáu) tháng tù giam về tội Đánh bạc. Tại Bản án số: 67/2011/HSPT ngày 22/3/2011, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản và tổng hợp với 06 tháng tù của bản án số: 164/2010/HSPT, ngày 16/6/2010, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng tù. Ngày 13/3/2013, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tại Bản án số: 323/2013/HSST ngày 22/11/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản

1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; Ngày 23/01/2015, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 10/01/2018 đến ngày 19/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. B áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Chị Đặng Thị Kim A, sinh năm: 1992, Địa chỉ: Phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt).

* *Người tham gia tố tụng khác*:

- *Người làm chứng*: Chị Đinh Thị Lệ Q; Địa chỉ: Phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 09/01/2018, Trần Thị Bích L đi xe thô (không nhớ rõ biển số xe) từ Km3, thành phố B đến khu vực Chợ đêm thành phố B, thuộc địa bàn phường T3, thành phố B. Mục đích tìm người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi L đang ngồi tại ngã tư giao nhau giữa đường Đ và N, phường T3, thành phố B, thì thấy chị Đặng Thị Kim A (sinh năm: 1992, trú tại: phường T2, thành phố B), đến mua hàng tại gian hàng bán tạp hoá. Trên người chị Kim A có đeo chéo vai, phía sau lưng 01 giỏ xách màu xanh đỏ. Lúc này, L đi bộ đến đứng phía sau chị Kim A, giả vờ là khách mua hàng, lợi dụng lúc chị Kim A không để ý, L dùng tay trái, thò vào túi xách của chị Kim A, trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 6, màu vàng, rồi tẩu thoát, thì bị tổ công tác tuần tra Công an thành phố B, phát hiện bắt quả tang. Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 16Gb, màu vàng. Sau đó, chuyển giao L cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, để điều tra xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG ngày 11/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16Gb, màu vàng, số Imei: 359304062910487, trị giá: 4.800.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16Gb, màu vàng, số Imei: 359304062910487, là tài sản của chị Đặng Thị Kim A. Ngày 22/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị A. Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKSTPBM ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần Thị Bích L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Bích L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận

Viện kiểm sát nhân dân Tp. B truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị Bích L theo bản cáo trạng số: 87/CT-VKSTPBMĐT ngày 15 tháng 3 năm 2018 và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Bích L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 và Điểm h, n, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thị Bích L từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16Gb, màu vàng, số Imei: 359304062910487, cho chủ sở hữu là chị Đặng Thị Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Bích L đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/01/2018 Trần Thị Bích L, đến gian hàng bán tạp hoá, tại ngã tư giao nhau giữa đường Đ với đường N, phường T3, thành phố B, lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 6, màu vàng của chị Đặng Thị Kim A để trong túi đeo trên người, thì bị phát hiện bắt quả tang. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.800.000đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị Bích L đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như nội dung bản cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật với bản chất lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã

lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị A. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn đã tịch thu trả cho người bị hại, hiện tại bị cáo đang có thai, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Như vậy, bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều h, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16Gb, màu vàng, số Imei: 359304062910487, cho chị Đặng Thị Kim A, là chủ sở hữu.

[5] Về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ và kiểm sát việc tuân theo pháp luật đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm h, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Bích L; Tên gọi khác: Bé Lớn, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Bích L 01 (Một) năm tù, được khấu trừ vào thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2018 đến ngày 19/01/2018. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, loại 16Gb, màu vàng, số Imei: 359304062910487, cho chị Đặng Thị Kim A.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Bích L phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- Công an TP. B;
- THA phạt tù (Để thi hành);
- CC THADS TP.B;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn